# **CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN TIỀN (TIỀN MẶT, TIỀN GỬI NGÂN HÀNG)**

# **Bài tập 1.**

**Tình huống.** Công ty X, đầu kỳ có:

* Tiền mặt (TK 111): **50.000.000**
* Tiền gửi ngân hàng (TK 112): **300.000.000**

Trong tuần đầu tháng 1/20XX, phát sinh:

* (02/01) Khách hàng thanh toán tiền mua hàng kỳ trước bằng **tiền mặt**: **200.000.000**
* (03/01) Chi **20.000.000** tiền mặt mua công cụ dụng cụ dùng ngay (hoặc nhập kho CCDC)
* (04/01) Tạm ứng tiền mặt **30.000.000** cho nhân viên A
* (05/01) Rút **50.000.000** từ ngân hàng về quỹ
* (06/01) NV A thanh toán tạm ứng: chi thực tế **28.000.000** (có hóa đơn), còn **2.000.000** nộp lại quỹ
* (07/01) NH trích **1.000.000** phí dịch vụ (chưa hạch toán)

##

## **Lời giải gợi ý**

### **1. Định khoản**

**02/01**: Thu tiền mặt từ khách

* Nợ TK 111: 200.000.000
* Có TK 131 (hoặc 511, 3331 nếu ghi nhận doanh thu tại thời điểm này, tùy trường hợp): 200.000.000

**03/01**: Mua CCDC bằng tiền mặt

* Nợ TK 153 (hoặc Nợ TK 642 nếu chi thẳng) : 20.000.000
* Có TK 111: 20.000.000

**04/01**: Tạm ứng cho NV A bằng tiền mặt

* Nợ TK 141: 30.000.000
* Có TK 111: 30.000.000

**05/01**: Rút tiền từ NH về quỹ

* Nợ TK 111: 50.000.000
* Có TK 112: 50.000.000

**06/01**: Thanh toán tạm ứng

* Chi thực tế 28.000.000 (ví dụ mua NVL, CCDC, chi phí,…)
* Nợ TK 152 (hoặc 153, 642…): 28.000.000
* Có TK 141: 28.000.000
* Số còn dư nộp lại quỹ: 2.000.000
* Nợ TK 111: 2.000.000
* Có TK 141: 2.000.000

**07/01**: Phí ngân hàng 1.000.000

* Nợ TK 642 (hoặc 635): 1.000.000
* Có TK 112: 1.000.000

### **2. Ghi Sổ Quỹ tiền mặt (TK 111)**

Số dư đầu kỳ: 50.000.000

| **Ngày** | **Chứng từ** | **Diễn giải** | **TK Đ.ư** | **Thu (Nợ 111)** | **Chi (Có 111)**  | **Số dư** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SDĐK |  | Số dư đầu kỳ |  |  |  | 50.000.000 |
| 02/01 | PT | Khách hàng thanh toán | 131 | 200.000.000 |  | 250.000.000 |
| 03/01 | PC | Mua CCDC bằng tiền mặt | 153 |  | 20.000.000 | 230.000.000 |
| 04/01 | PC | Tạm ứng cho NV A | 141 |  | 30.000.000 | 200.000.000 |
| 05/01 |  | Rút tiền NH về quỹ | 112 | 50.000.000 |  | 250.000.000 |
| 06/01 | PT | NV A nộp lại tạm ứng (phần dư) | 141 | 2.000.000 |  | 252.000.000 |
| 07/01 | - | Phí NH? (Không liên quan đến 111) | - |  |  | 252.000.000 |

Số dư cuối (07/01): 252.000.000

### **3. Ghi Sổ Tiền gửi ngân hàng (TK 112)**

Số dư đầu kỳ: 300.000.000

| **Ngày** | **Chứng từ** | **Diễn giải** | **TK Đ.ư** | **PS Nợ (VND)** | **PS Có (VND)** | **Số dư** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SDĐK |  | Số dư đầu kỳ |  |  |  | 300.000.000 |
| 05/01 | UNC | Rút tiền về quỹ  |  111 |  | 50.000.000 | 250.000.000 |
| 07/01 | GB Nợ | Phí NH trừ TK | 642 |  | 1.000.000 | 249.000.000 |

Số dư cuối (07/01): 249.000.000

#

# **Bài tập 2.**

**Tình huống**

Đầu kỳ:

* TK 1111 (tiền mặt VNĐ): 100.000.000
* TK 1112 (tiền mặt USD): 2.000 USD, tỷ giá ghi sổ 23.500 VND/USD (=> 47.000.000 VNĐ)

Ngày 10/01: Thu thêm 1.000 USD tiền mặt từ khách, tỷ giá thực tế 23.600 VND/USD

Ngày 11/01: Nộp 1.500 USD vào tài khoản ngoại tệ ngân hàng (TK 1122), ngân hàng áp dụng tỷ giá 23.550 VND/USD

Ngày 12/01: Ngân hàng trích 10 USD phí quản lý từ TK 1122. Tỷ giá thực tế 23.550 VND/USD

Cuối kỳ, tỷ giá 23.700 VND/USD. DN đánh giá lại số dư ngoại tệ (TK 1112, TK 1122).

##

## **Lời giải gợi ý**

### **1. Xác định đầu kỳ**

* TK 1112: 2.000 USD, giá gốc = 2.000 × 23.500 = 47.000.000
* TK 1122: 0 (giả sử đầu kỳ chưa có ngoại tệ ở ngân hàng)

### **2. Ngày 10/01: Thu 1.000 USD**

- Do nhận 1.000 USD tiền mặt, tỷ giá giao dịch 23.600 => Giá trị 1.000 × 23.600 = 23.600.000

- Định khoản (giả sử doanh thu bán hàng):

* Nợ TK 1112: 23.600.000 (tương đương 1.000 USD)
* Có TK 511 (hoặc 131,…): 23.600.000

- Sau giao dịch, TK 1112 có tổng 3.000 USD. Ta tính bình quân (nếu DN áp dụng):

* Tổng VND = 47.000.000 (cũ) + 23.600.000 (mới) = 70.600.000
* Số USD = 2.000 + 1.000 = 3.000 USD
* Tỷ giá bình quân mới ≈ 70.600.000 / 3.000 = 23.533,33 VND/USD (làm tròn).

### **3. Ngày 11/01: Nộp 1.500 USD vào TK 1122**

- Giá trị ghi Nợ TK 1122 = 1.500 USD × tỷ giá NH áp dụng = 1.500 × 23.550 = 35.325.000

- Giá trị ghi Có TK 1112 (xuất USD ra khỏi quỹ) = 1.500 USD × tỷ giá bình quân 23.533,33 = 35.299.995 ~ 35.300.000

- Phần chênh lệch = 35.325.000 - 35.300.000 = 25.000 => Lãi tỷ giá

- Định khoản:

* Nợ TK 1122: 35.325.000
* Có TK 1112: 35.300.000
* Có TK 515: 25.000

- Sau giao dịch:

* Số dư TK 1112 còn: 3.000 - 1.500 = 1.500 USD
* Giá gốc (VND) = 70.600.000 - 35.300.000 = 35.300.000
* Tỷ giá bình quân vẫn xấp xỉ 23.533,33.
* Số dư TK 1122: 1.500 USD, giá ghi sổ = 35.325.000.

### **4. Ngày 12/01: Phí 10 USD trừ tài khoản ngoại tệ (1122)**

- Tỷ giá 23.550 => Phí = 10 × 23.550 = 235.500

- Định khoản:

* Nợ TK 642 (hoặc 635): 235.500
* Có TK 1122: 235.500

- Số dư TK 1122 (sau nghiệp vụ này):

* USD: 1.500 - 10 = 1.490 USD
* Giá gốc (VND): 35.325.000 - 235.500 = 35.089.500
* Tỷ giá bình quân (mới) = 35.089.500 / 1.490 ≈ 23.540,00

### **5. Cuối kỳ (đánh giá lại ở tỷ giá 23.700)**

- TK 1112: còn 1.500 USD, giá gốc sổ hiện là 35.300.000 (tỷ giá ~ 23.533,33).

* Giá trị theo tỷ giá mới = 1.500 × 23.700 = 35.550.000
* Chênh lệch = 35.550.000 - 35.300.000 = 250.000 => Lãi tỷ giá
* Nợ TK 1112: 250.000
* Có TK 515: 250.000

- TK 1122: còn 1.490 USD, giá gốc sổ 35.089.500 (tỷ giá ~ 23.540).

* Theo tỷ giá 23.700 => 1.490 × 23.700 = 35.313.000
* Chênh lệch = 35.313.000 - 35.089.500 = 223.500 => Lãi tỷ giá
* Nợ TK 1122: 223.500
* Có TK 515: 223.500

# **Bài tập 3.**

**Tình huống**

Đầu kỳ (01/03): TK 112 = 150.000.000

Nghiệp vụ tháng 3:

* 05/03: Chuyển khoản 20.000.000 nộp thuế GTGT
* 10/03: Khách trả nợ bằng ủy nhiệm chi 50.000.000
* 15/03: Chuyển khoản 8.000.000 trả tiền điện, nước
* 20/03: Ngân hàng cộng lãi 300.000 (Giấy báo Có)
* 25/03: Ngân hàng trừ phí 500.000 (Giấy báo Nợ)
* 31/03: Chuyển khoản 10.000.000 trả nợ gốc vay

##

## **Lời giải gợi ý**

### **1. Định khoản**

**05/03.** Nộp thuế GTGT

* Nợ TK 3331: 20.000.000
* Có TK 112: 20.000.000

**10/03.** Khách trả nợ doanh nghiệp

* Nợ TK 112: 50.000.000
* Có TK 131: 50.000.000

**15/03.** Trả tiền điện, nước

* Nợ TK 642 (hoặc 627 nếu phục vụ sản xuất…): 8.000.000
* Có TK 112: 8.000.000

**20/03.** Thu lãi tiền gửi

* Nợ TK 112: 300.000
* Có TK 515: 300.000

**25/03.** Phí dịch vụ NH

* Nợ TK 642 (hoặc 635): 500.000
* Có TK 112: 500.000

**31/03.** Trả nợ vay gốc

* Nợ TK 311 (hoặc 341…): 10.000.000
* Có TK 112: 10.000.000

### **2. Theo dõi TK 112**

Dư đầu: 150.000.000

| **Ngày** | **Nội dung** | **Ghi Nợ (PS Tăng)** | **Ghi Có (PS Giảm)** | **Số dư** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 01/03 | Số dư đầu kỳ |  |  | 150.000.000 |
| 05/03 | Nộp thuế GTGT |  | 20.000.000 | 130.000.000 |
| 10/03 | Khách trả nợ (UNC Có) |  50.000.000 |  | 180.000.000 |
| 15/03 | Chuyển khoản trả điện |  | 8.000.000 | 172.000.000 |
| 20/03 | Lãi tiền gửi (GBC) | 300.000 |  | 172.300.000 |
| 25/03 | Phí NH (GBN) |  | 500.000 | 171.800.000 |
| 31/03 | Trả nợ vay gốc |  | 10.000.000 | 161.800.000 |

#

# **Bài tập 4.**

**Tình huống**

* Dư đầu quỹ (TK111): 30.000.000
* 01/04: Tạm ứng cho NV B 5.000.000 (tiền mặt)
* 05/04: NV B hoàn tạm ứng, chi thực tế 3.500.000 (có chứng từ); dư 1.500.000 nộp lại quỹ
* 10/04: Thu tiền mặt của khách 12.000.000
* 15/04: Mua tài sản 10.000.000 trả ngay bằng tiền mặt
* 20/04: Kiểm kê quỹ, kết quả khớp với sổ

##

## **Lời giải gợi ý**

### **1. Định khoản**

**01/04.** Tạm ứng

* Nợ TK 141: 5.000.000
* Có TK 111: 5.000.000

**05/04.** Hoàn tạm ứng

* Phần chi thực tế:
* Nợ TK 152/153/642…: 3.500.000
* Có TK 141: 3.500.000
* Phần dư nộp lại quỹ:
* Nợ TK 111: 1.500.000
* Có TK 141: 1.500.000

**10/04.** Khách hàng trả tiền mặt

* Nợ TK 111: 12.000.000
* Có TK 131 (hoặc 511,…): 12.000.000

**15/04.** Mua tài sản 10.000.000 (trả tiền mặt)

* Nợ TK 211 (hoặc 153 nếu là CCDC, tùy): 10.000.000
* Có TK 111: 10.000.000

**20/04.** Kiểm kê quỹ: Kết quả khớp => không có bút toán điều chỉnh.

### **2. Sổ quỹ tiền mặt (TK 111)**

Số dư đầu: 30.000.000

| **Ngày** | **Diễn giải** | **Thu (Nợ 111)** | **Chi (Có 111)** | **Số dư** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| SDĐK | Số dư đầu kỳ |  |  | 30.000.000 |
| 01/04 | Tạm ứng NV B (PC) |  | 5.000.000 | 25.000.000 |
| 05/04 | NV B hoàn tạm ứng (PT - phần dư) | 1.500.000 |  | 26.500.000 |
| 10/04 | Thu tiền mặt từ khách (PT) |  12.000.000 |  | 38.500.000 |
| 15/04 | Mua tài sản (PC) |  |  10.000.000 | 28.500.000 |
| 20/04 | Kiểm kê quỹ, không chênh lệch |  |  |  28.500.000 |

Số dư cuối: 28.500.000

Kiểm kê quỹ (20/04) đúng 28.500.000 => không bút toán điều chỉnh.

# **Bài tập 5.**

**Tình huống: 30/05**

* Dư đầu ngày: TK 111 = 10.000.000
* Phát sinh:
* Khách hàng (Cty ABC) thanh toán 70.000.000 (tiền mặt)
* Xuất quỹ 2.000.000 mua văn phòng phẩm
* Thu nợ cá nhân (NV nợ công ty) 3.000.000
* Tạm ứng cho NV C 5.000.000

## **Lời giải gợi ý**

### **1. Viết Phiếu thu/chi (tóm tắt)**

* Phiếu Thu 1: Thu 70.000.000 từ khách
* Phiếu Chi 1: Chi 2.000.000 mua VPP
* Phiếu Thu 2: Thu 3.000.000 từ NV (hoàn nợ)
* Phiếu Chi 2: Tạm ứng NV C 5.000.000

### **2. Định khoản**

Khách hàng trả tiền mặt 70.000.000

* Nợ TK 111: 70.000.000
* Có TK 131 (hoặc 511,…): 70.000.000

Chi 2.000.000 mua VPP

* Nợ TK 642: 2.000.000
* Có TK 111: 2.000.000

Thu 3.000.000 từ nhân viên (nợ doanh nghiệp)

* Nợ TK 111: 3.000.000
* Có TK 138 (nếu là nợ phải thu nội bộ): 3.000.000

Tạm ứng 5.000.000 cho NV C

* Nợ TK 141: 5.000.000
* Có TK 111: 5.000.000

### **3. Sổ Quỹ cuối ngày (30/05)**

Dư đầu: 10.000.000

| **Thời điểm** | **Nội dung** | **Thu (Nợ 111)** | **Chi (Có 111)** | **Số dư** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sáng | Dư đầu ngày |  |  | 10.000.000 |
| Sáng | Thu khách ABC | 70.000.000 |  |  80.000.000 |
| Sáng | Chi mua VPP |  | 2.000.000 | 78.000.000 |
| Chiều | Thu nợ của NV |  3.000.000 |  | 81.000.000 |
| Chiều | Tạm ứng cho NV C |  | 5.000.000 | 76.000.000 |

Số dư cuối ngày: 76.000.000